TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ-PT
Ngày: 09-4-2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Ông Bằng Công Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐXX-PT ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Như A, sinh năm 1976

HKTT: Xóm NC, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1984

HKTT: Xóm NC, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng cáo: Chị Phạm Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Như A khai: Anh với chị Phạm Thị B kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu

thuẫn, do tính tình không hợp, chị B thường xuyên đánh con riêng của anh nên hai vợ chồng hay xảy ra việc cãi vã và đánh nhau. Năm 2014 anh đã gửi đơn xin ly hôn chị B tại Tòa án nhân dân huyện PB nhưng chị B xin anh quay lại để sửa chữa lỗi lầm. Do lúc đó con còn nhỏ nên anh đã rút đơn xin ly hôn chị B. Nhưng đến thời điểm này, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng, anh xác định không thể sống với chị B được nữa, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện PB giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu D và không yêu cầu chị B phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung: Có 01 nhà cấp 4, diện tích 71m^2 xây trên đất của bố anh cho anh trước kết hôn, phần nhà anh với chị B tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn chị Phạm Thị B tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm khai: Chị xác định thời gian kết hôn, con chung đúng như anh A khai. Về mâu thuẫn vợ chồng chị xác định không có gì lớn, chủ yếu là do anh A nghe mẹ đẻ xúi dục, nên giữa anh và chị mới xảy ra mâu thuẫn. Anh A cũng đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân huyện PB, đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh A xin ly hôn, chị cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu D và yêu cầu anh A phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị cho đến khi cháu Dương tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có 01 nhà cấp 4, diện tích 71m^2 cùng công trình phụ, 0.7 ha rừng.

Về nợ chung: Có nợ chị gái của chị 35.000.000 đồng để xây nhà, khi nợ không có giấy biên nhận giữa hai bên.

Với nội dung trên, tại bản án số 03/2021/HNGĐ –ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51,55,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Như A và chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Như A phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị B mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18

tuổi, thời gian đóng góp được tính từ tháng 2/2021; Anh A có quyền đi lại thăm nom con chung, chị B không được ngăn cản anh A đến thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của cháu D, anh Nguyễn Như A có quyền xin thay đổi nuôi con chung đối với chị Phạm Thị B.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A không tự nguyện thi hành số tiền phải đóng góp cho chị B để nuôi con chung, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, chị Phạm Thị B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chị B cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị chưa lớn đến mức phải ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bác đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Như A để gia đình đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn anh Nguyễn Như A xác định mâu thuẫn giữa anh và chị B đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc chị B kháng cáo xin bác đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, anh A không nhất trí.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị B làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị B về việc chị không đồng ý ly hôn với anh A, đề nghị Tòa phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, anh A giữ nguyên quan điểm giữa

vợ chồng anh đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh và chị B hiện không còn quan tâm, chăm sóc và dành tình cảm cho nhau. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Như vậy xác định, hôn nhân giữa anh A và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không còn đạt được, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho anh A được ly hôn với chị B là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác, nên kháng cáo của chị B không có cơ sở để chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của chị B không được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56,57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Phạm Thị B; Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Như A và chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Như A phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, thời gian đóng góp được tính từ tháng 02/2021; Anh A có quyền đi lại thăm nom con chung; chị B không được ngăn cản anh A đến thăm nom, chăm sóc con . Vì lợi ích của cháu D, anh Nguyễn Như A có quyền xin thay đổi nuôi con chung đối với chị Phạm Thị T.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A không tự nguyện thi hành số tiền phải đóng góp cho chị B để nuôi con chung, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Như A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000325 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên và 300.000 đồng án phí DSST và Ngân sách nhà nước.

Chị Phạm Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000163 ngày 25/01/2021 tại Chi cục thi hành án huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện PB;
- THADS huyện PB;
- UBND xã BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương